

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX - ST ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Cụm 5, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Cụm 13, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy Đ tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 14/9/2006. Sau khi cưới chị về nhà anh Đ tại cụm 13, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Giữa năm 2009 vợ chồng bắt đầu va chạm do tính tình không hợp, anh Đ không có trách nhiệm với chị và gia đình. Đến năm 2011 chị phát hiện anh Đ ngoại tình hết người này đến người khác, không có trách nhiệm với vợ, con. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, cho anh Đ cơ hội sửa chữa sai lầm nhưng anh Đ không thay đổi. Năm 2013 anh Đ quan hệ tình cảm với một người phụ

nữ tên là N ở xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội và đã có với nhau 01 con chung. Anh Đ đối xử với chị không tốt, có lời nói xúc phạm, thậm chí còn đánh chị. Sống với anh Đ chị cảm thấy không hạnh phúc, chị nghĩ nếu tiếp tục sống với anh Đ sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Do vậy, tháng 12 năm 2016 chị và hai con về nhà mẹ đẻ chị ở cụm 5, xã T sinh sống. Sau khi chị và hai con về nhà mẹ đẻ ở anh Đ thỉnh thoảng đến chơi, gọi điện hỏi thăm con nhưng không quan tâm đến chị, không có trách nhiệm với các con, việc chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung do chị lo liệu. Vợ chồng không quan tâm đến nhau từ đầu năm 2017 đến nay, chị không còn tình cảm với anh Đ, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 20/8/2007 và Nguyễn Trần Ánh T, sinh ngày 05/10/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Đ mỗi tháng đóng góp nuôi con 01 triệu đồng/ 01 cháu. Trường hợp mỗi người nuôi 01 cháu thì chị xin nuôi cháu T, để cháu H cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về công sức, nợ: Không có.

- *Bị đơn anh Nguyễn Duy Đông trình bày:* Anh và chị Trần Thị S kết hôn ngày 14/9/2006, kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới chị S về nhà anh sinh sống. Vợ chồng mâu thuẫn do không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau, mỗi lần vợ chồng cãi nhau chị S lại về nhà mẹ đẻ ở cụm 5, xã T sinh sống, anh đến gọi chị S lại về sinh sống cùng gia đình. Anh rất quan tâm đến vợ, con. Vợ chồng bắt đầu va chạm từ đầu năm 2010 do anh ra Hà Nội lái xe thuê, công việc bận nên anh thường xuyên đi làm về muộn nhưng chị S không thông cảm vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2012 anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên N ở xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, giữa anh và chị N đã có một con chung. Đến tháng 5/2017 hai vợ chồng và con về ở nhà mẹ đẻ chị S tại cụm 5, xã T. Sống ở gia đình nhà mẹ đẻ chị S, vợ chồng không hòa thuận lại phát sinh mâu thuẫn. Tháng 9/2018 anh về ở nhà cùng với mẹ anh tại cụm 13, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 9/2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh biết mình không chung thủy, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác có con riêng. Anh có lỗi với vợ và con, anh rất ân hận, mong chị S tha thứ. Anh vẫn còn tình cảm với chị S, mong muốn xin đoàn tụ. Nếu chị S vẫn cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 20/8/2007 và Nguyễn Trần Ánh T, sinh ngày 05/10/2013. Nếu phải ly hôn anh Đ cũng có nguyện vọng nuôi cháu T, để cháu H cho chị S nuôi dưỡng và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về công sức, nợ: Không có.

Tại phiên tòa sau khi hòa giải các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận đơn của chị Trần Thị S xử cho chị S được ly hôn anh Đ. Về quyền nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Trần Gia H cho anh Nguyễn Duy Đ nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trần Anh T cho chị Trần Thị S nuôi dưỡng, hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung không phải giải quyết. Về án phí chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị S có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ có địa chỉ cư trú tại cụm 13, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xác định là quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo qui định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 3 điều 36; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Duy Đ trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu thu thập được thể hiện: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Duy Đ sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu va chạm do tính tình không hợp, anh Đ đi lái xe thuê xa nhà, vợ chồng không hiểu nhau, thường xảy ra va chạm. Sau đó anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác có con chung, ít quan tâm đến vợ, con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh Đ biết có lỗi với chị S và mong chị S tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, chị S đã tha thứ cho anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi, không có trách nhiệm với vợ, con. Năm 2017 chị S và hai con đã về nhà mẹ đẻ chị tại cụm 5, xã T, huyện Đan Phượng sinh sống, vợ chồng đã ly thân, nay chị S không còn tình cảm với anh Đ, chị xin ly hôn anh Đ. Anh Đ xác định vợ chồng sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do

vợ chồng không hiểu nhau. Anh Đ thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác có con, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2018, không quan tâm đến nhau, anh có lỗi với chị S, anh mong chị S tha thứ để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị S, Hội đồng xét xử thấy chị S và anh Đ đã ly thân, sau khi mâu thuẫn chị S về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2017 vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Duy Đ có 02 con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 20/8/2007 và Nguyễn Trần Ánh T, sinh ngày 05/10/2013. Ly hôn chị S có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, nếu mỗi người nuôi một con thì chị xin nuôi cháu Nguyễn Trần Ánh T. Anh Đ cũng có nguyện vọng xin nuôi cháu Nguyễn Trần Ánh T. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của hai anh chị đều là chính đáng, cả hai đều có công việc, có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho mỗi người nuôi một con chung để đảm bảo sự phát triển bình thường của con, mặt khác cũng thể hiện vợ chồng cùng nhau chia sẻ trong việc nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, cả hai đương sự đều xin được nuôi cháu T, xét thấy hiện nay cháu H đã trên 07 tuổi, vẫn đang ở cùng chị S và nguyện vọng của cháu H mong muốn được ở với chị S. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Trần Gia H cho chị Trần Thị S nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Ánh T cho anh Nguyễn Duy Đ nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do mỗi người nuôi một con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị S và anh Đ đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công sức, nợ: Chị S và anh Đ đều xác định không đề nghị về công sức, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S xin ly hôn anh Nguyễn Duy Đ, xử:

1. Chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 20/8/2007 cho chị Trần Thị S nuôi cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giao cháu Nguyễn Trần Ánh T, sinh ngày 05/10/2013 cho anh Nguyễn Duy Đ nuôi cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về công sức, nợ: Không có.
5. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị S đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010229 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
6. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Duy Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lập;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lập;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA